

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH NGHỆ AN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **04/2020/LQHNGĐ-ST**

Ngày: 28/02/2020

*Về việc: Tranh chấp về chia tài sản
chung vợ chồng sau khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Nguyễn Thị Xuân Oanh - bà Phạm Thị Tố Tâm

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An tham gia phiên
tòa:* Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28/02 /2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Liên quan Hôn nhân và gia đình thụ lý số 667/2019/LQ-HNGĐ ngày 13/12/2019 về tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST - LQHNGĐ ngày 17/02/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Nghĩa Kh - sinh năm 1957

Hộ khẩu thường trú: Khối 16, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Ông Khánh có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: Bà Trần Thị Hoài A - sinh năm 1963

Hộ khẩu thường trú: Khối 16, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Bà Hoài An xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2019 và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Hoàng Nghĩa Kh trình bày: ông Kh và bà Trần Thị Hoài A trước đây là vợ chồng kết hôn với nhau năm 1987, quá trình chung sống đã có 02 con chung nhưng do trong cuộc sống

bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc nên đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 200/2016/QĐ ngày 01/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Tài sản chung của vợ chồng gồm 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền với đất tại thửa đất số 98 tờ bản đồ số 43 có diện tích 89,1m² thửa đất đã được UBND thành phố Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06129 QSDĐ số 319QĐUB (TP) 2003 ngày 13/12/2003 mang tên ông Hoàng Nghĩa Kh bà Trần Thị Hoài A, ngoài ra vợ chồng không có tài sản chung nào khác. Khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận tự phân chia với nhau nhưng đến nay ông Kh, bà A vẫn không thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản. Sau khi ly hôn ông và bà A đã tự ngăn nhà ra ở riêng từ đó đến nay nhưng hiện nay tuổi đã cao, không có công ăn việc làm ổn định, ốm đau bệnh tật, ông Kh muốn có chỗ ở ổn định khi về già vì ngôi nhà mà vợ chồng đang ngăn ở quá chật chội, nên ông Kh làm đơn khởi kiện yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung của vợ chồng gồm có: 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền với đất tại thửa đất số 98 tờ bản đồ số 43 có diện tích 89,1m² thửa đất đã được UBND thành phố Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06129 QSDĐ số 319QĐUB (TP) 2003 ngày 13/12/2003 mang tên ông Hoàng Nghĩa Kh bà Trần Thị Hoài A.

Bị đơn bà Trần Thị Hoài A trình bày: Bà thừa nhận tài sản mà ông Kh yêu cầu chia gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền với đất tại thửa đất số 98 tờ bản đồ số 43 có diện tích 89,1m² thửa đất đã được UBND thành phố Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06129 QSDĐ số 319QĐUB (TP) 2003 ngày 13/12/2003 mang tên ông Hoàng Nghĩa Kh bà Trần Thị Hoài A là tài sản chung của vợ chồng. Nguồn gốc tài sản thửa đất số 98 tờ bản đồ số 43 có diện tích 89,1m² thửa đất đã được UBND thành phố Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06129 QSDĐ số 319QĐUB (TP) 2003 ngày 13/12/2003 mang tên ông Hoàng Nghĩa Kh bà Trần Thị Hoài A là của cha mẹ bà cho vợ chồng. Nay ông Kh khởi kiện chia tài sản chung là nhà và đất ở Hà Huy Tập bà có nguyện vọng được ngăn đôi nhà để ở, phần tài sản của ông Khánh ông muốn làm gì thì tùy ông bà không can thiệp chứ bà không nhất trí bán hay chuyển nhượng cho ai. Nếu theo định của pháp luật đất chật không thể tách thửa được thì bà đề nghị Tòa án trích chia phần tài sản cho bà nhiều hơn (2/3 giá trị tài sản)

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết

vụ án: Về thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ. Tại phiên toà hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tổng đạt các văn bản cho các đương sự tham tố tụng thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi nghĩa vụ của họ. Thời hạn xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Nghĩa Kh:

Chia tài sản chung của vợ chồng ông Kh, bà A như sau: Giao cho bà Trần Thị Hoài A được quyền sử dụng, sở hữu 01 ngôi nhà cấp 4 có trị giá và sử dụng toàn bộ diện tích đất 89,1m² đất tại thửa đất số 98 tờ bản đồ số 43 có diện tích 89,1m² thửa đất đã được UBND thành phố Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06129 QSDĐ số 319QĐUB (TP) 2003 ngày 13/12/2003 mang tên ông Hoàng Nghĩa Kh bà Trần Thị Hoài A nhưng bà A phải có nghĩa vụ trích chênh lệch tài sản cho ông Kh số tiền tương đương với 40% giá trị tài sản đối với thửa đất vì xét về công sức, nguồn gốc thửa đất trên là bố mẹ bà A cho vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy đề nghị chia cho bà A được hưởng 60% giá trị thửa đất tương đương 1.176.120.000 đồng, ông Kh được hưởng 40% giá trị thửa đất tương đương 784.080.000 đồng. Còn ngôi nhà và các tài sản trên đất là tài sản chung của vợ chồng vì vậy đề nghị HĐXX chia đôi, mỗi người được hưởng 19.949.000 đồng.

- Về nợ: Không yêu cầu nên miễn xét.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điều 12,14,27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 buộc bà Trần Thị Hoài A phải chịu án phí chia tài sản chung đối với phần tài sản mình được chia, ông Hoàng Nghĩa Kh được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện vụ án, ý kiến của đương sự, luật sư.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp liên quan hôn nhân và gia đình. Bị đơn là bà Trần Thị Hoài A có hộ khẩu thường trú tại khối 6, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân thành phố Vinh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 28, điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Hoàng Nghĩa Kh, bà Trần Thị Hoài A trước đây là vợ chồng, do mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 01/7/2016 Tòa án nhân dân thành phố Vinh, Nghệ An đã công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự theo Quyết định số 200/2016/QĐ, theo đó về quan hệ tình cảm: ông Kh, bà A thuận tình ly hôn; về con chung có 02 con đã trưởng thành; về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung chưa phân chia của hai bên gồm có: 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền với đất tại thửa đất số 98 tờ bản đồ số 43 có diện tích 89,1m² thửa đất đã được UBND thành phố Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06129 QSDĐ số 319QĐUB (TP) 2003 ngày 13/12/2003 mang tên ông Hoàng Nghĩa Kh bà Trần Thị Hoài A. Nay ông Kh khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn là đúng theo quy định của pháp luật. Bà A cũng thừa nhận quá trình chung sống với nhau vợ chồng có khối tài sản trên là đúng nhưng bà cho rằng: nguồn gốc tài sản: thửa đất số 98 tờ bản đồ số 43 có diện tích 89,1m² được UBND thành phố Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06129 QSDĐ số 319QĐUB (TP) 2003 ngày 13/12/2003 mang tên ông Hoàng Nghĩa Kh bà Trần Thị Hoài A là của cha mẹ bà cho vợ chồng. Xét yêu cầu của ông Kh yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn là chính đáng và đúng quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Xét về nguồn gốc và khối tài sản chung của ông Kh bà A, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, ông Kh yêu cầu được chia ½ tài sản chung là: 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền với đất tại thửa đất số 98 tờ bản đồ số 43 có diện tích 89,1m² thửa đất đã được UBND thành phố Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06129 QSDĐ số 319QĐUB (TP) 2003 ngày 13/12/2003 mang tên ông Hoàng Nghĩa Kh, bà Trần Thị Hoài A. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cũng như lời khai tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ các bên xuất trình thì: nguồn gốc thửa đất số 98 tờ bản đồ số 43 có diện tích 89,1m² là của cha mẹ bà An cho vợ chồng. Vì vậy, đối với tài sản được tặng cho, mua bán, thừa kế chung thì khi các bên có tranh chấp đều được chia theo quy định của pháp luật và có xem xét đến nguồn gốc tài sản và công sức đóng góp của mỗi bên. Như vậy, tài sản được xác định là tài sản chung của vợ chồng ông Kh bà A trong thời kỳ hôn nhân gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền với đất tại thửa đất số 98 tờ bản đồ số 43 có diện tích 89,1m² đã được UBND thành phố Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số 06129 QSDĐ số 319QĐUB (TP) 2003 ngày 13/12/2003 mang tên ông Hoàng Nghĩa Kh, bà Trần Thị Hoài A.

Đối với tài sản chung gồm: 1. Thửa đất có diện tích 89,1m² tại thửa đất số 98 tờ bản đồ số 43 thuộc khối 16, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh đã được Hội đồng định giá trong tổ tụng dân sự xác định vào ngày 12/02/2020 Hội đồng định giá trị giá đất theo giá thị trường tại thời điểm định giá: 22.000.000đ/m² x 89,1m² = 1.960.200.000 đồng (Một tỷ chín trăm chín mươi chín triệu tám trăm chín mươi tám ngàn đồng chẵn).

Tại thời điểm định giá ông Kh có mặt không có ý kiến gì về kết quả định giá, bà A vắng mặt tuy vắng mặt nhưng Tòa án đã thông báo kết quả định giá cho bà A, bà A không có ý kiến gì về kết quả định giá. Xét về nguồn gốc tài sản của vợ chồng là do cha mẹ của bà A cho vợ chồng và công sức đóng góp vì vậy cần trích 20% trị giá của thửa đất cho bà A tương đương 392.000.000 đồng, phần còn lại chia đôi cho vợ chồng.

2. Đối với tài sản xây dựng trên đất Hội đồng định giá trong tổ tụng dân sự xác định vào ngày 12/02/2020 Hội đồng định giá vận dụng theo quyết định số 40/2019/QĐ/UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Nghệ An.

- Nhà ở một tầng không có trần bê tông, tường xây bằng tốp lô diện tích 36,98 m² có giá 2.620.000 đ/m² khấu hao còn lại 30% , cụ thể:

$$36,98 \text{ m}^2 \times 2.620.000 \text{ đ/m}^2 \times 30\% = 29.066.000 \text{ đồng.}$$

- Mái tôn phía trước nhà ở có khung sườn bằng tuýp nước, không có tường bao quanh, nền lát xi măng, diện tích xây dựng 47,904m² có giá 350.000đ/ m² khấu hao còn lại 40% .

$$\text{Cụ thể: } 47,904 \text{ m}^2 \times 350.000\text{đ/ m}^2 \times 40\% = 6.707.000 \text{ đồng.}$$

- Nhà khung thép hộp thưng tôn, mái lợp tôn (Làm dưới mái tôn phía trước nhà ở); diện tích xây dựng: 15,0 m² có giá 550.000đ/ m² khấu hao còn lại 50%

$$\text{Cụ thể: } 15,0 \text{ m}^2 \times 550.000\text{đ/ m}^2 \times 50\% = 4.125.000 \text{ đồng.}$$

Cộng định giá tài sản xây dựng trên đất:

$$29.066.000 \text{ đồng} + 6.707.000 \text{ đồng} + 4.125.000 \text{ đồng} = 39.898.000 \text{ đồng.}$$

Như vậy, đối với trị giá ngôi nhà được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân và các công trình gắn liền với đất là do công sức của hai vợ chồng tạo lập nên cần chia đôi cho bà A ông Kh mỗi người một ½ là phù hợp. Hiện tại ông Kh, bà A đều đang sinh sống và quản lý sử dụng, nguồn gốc tài sản cũng như công sức tạo lập nên. Quá trình giải quyết vụ án bà A đề nghị được sử dụng nhà do bà là phụ nữ, tuổi đã nhiều, không còn nơi ở khác . Mặt khác, căn cứ vào Quyết định của UBND tỉnh

Nghệ An về việc cấp giấy quyền sử dụng đất với diện tích nhỏ dưới 50m² không cấp giấy chứng nhận và trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa ông Khánh đề nghị Tòa án bán nhà và đất để chia cho vợ chồng chứng tỏ ông Khánh không có nhu cầu sử dụng nhà đất. Vì vậy, cần xử giao cho bà Trần Thị Hoài A sử dụng, sở hữu 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền với đất tại thửa đất số 98 tờ bản đồ số 43 có diện tích 89,1m² đã được UBND thành phố Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06129 QSDĐ số 319QĐUB (TP) 2003 ngày 13/12/2003 mang tên ông Hoàng Nghĩa Kh, bà Trần Thị Hoài A tại khối 16, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh. Phần bà A được trích chia 20% giá trị thửa đất tương đương 392.000.000 đồng, trị giá thửa đất sau khi trích chia 20% cho bà A còn lại 1.568.000.000 đồng cần chia 1/2 giá trị cho mỗi bên tương đương 784.000.000 đồng. Đối với ngôi nhà cấp 4 và tài sản trên đất có trị giá 39.898.000 đồng đây là tài sản của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân vì vậy cần chia 1/2 giá trị cho mỗi bên tương đương 19.949.000 đồng. Như vậy tổng giá trị nhà và đất ở bà An được hưởng là 1.195.949.000 đồng nhưng bà A phải có nghĩa vụ trích chia chênh lệch tài sản thửa đất cho ông Kh trị giá tương đương 784.000.000 đồng và 50% giá trị nhà và các tài sản xây dựng trên đất tương đương với 19.949.000 đồng. Tổng cộng trị giá tài sản bà A phải trích chênh lệch tài sản cho ông Kh số tiền là: 803.979.000 đồng. Sau khi án có hiệu lực bà A, ông Kh phải có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục về đất ở theo quy định của pháp luật hiện hành.

Về án phí: Bà A phải chịu án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật; miễn tiền án phí chia tài sản cho ông Kh do ông Kh là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá ông Kh đã tự nguyện nộp đầy đủ và không có đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 28, 35, 39, 97, khoản 2 điều 207, 220, 227, 228, 271, 273, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Nghĩa Kh về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

Xử: Giao cho bà Trần Thị Hoài A được quyền sở hữu, sử dụng 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền với đất tại thửa đất số 98 tờ bản đồ số 43 có diện tích 89,1m² đã được UBND thành phố Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06129 QSDĐ số 319QĐUB (TP) 2003 ngày 13/12/2003 mang tên ông Hoàng Nghĩa Kh, bà Trần Thị Hoài A tại khối 16, phường H, thành phố V có trị giá 1.999.898.000 đồng (Một tỷ chín trăm chín mươi chín triệu tám trăm chín mươi tám ngàn đồng chẵn nhưng bà Trần Thị Hoài A phải trích chia chênh lệch tài sản cho ông Hoàng Nghĩa Kh số tiền: 803.979.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bà A được hưởng sau khi trích chia: 1.195.949.000 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi lăm ngàn chín trăm bốn mươi chín đồng).

Ông Hoàng Nghĩa Kh được quyền sở hữu số tiền 803.979.000 đồng (Tám trăm linh ba triệu chín trăm bảy mươi chín ngàn đồng) do bà Trần Thị Hoài An trích chia chênh lệch tài sản.

(Khi án có hiệu lực thi hành bà A, ông Kh có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật mới được trọn quyền sử dụng, sở hữu).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 BLDS 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bên đ-ợc thi hành án và bên phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bà Trần Thị Hoài A phải chịu 47.878.470 đồng (Bốn mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm bảy mươi đồng) án phí chia tài sản. Miễn tiền án phí chia tài sản cho ông Hoàng Nghĩa Kh vì ông Kh là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Vinh;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS TP Vinh;
- Lưu HS, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Hữu Thái

NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH NGHỆ AN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 65/2020/QĐST -LH

Vinh, ngày 01 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH

Căn cứ vào các điều 48, điều 217, 218, 219 và khoản 2 điều 273 của BLTTDS.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét thấy: nguyên đơn chị Hoàng Thị Hải Yến có đơn xin rút đơn khởi kiện.

QUYẾT ĐỊNH

1. Đình chỉ việc giải quyết vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 239/2020/TLST - HNGĐ ngày 25/5/2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa:

Nguyên đơn:Chị Hoàng Thị Hải Yến - sinh năm 1989

Trú tại: Khối 14, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, Nghệ An.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Tú - sinh năm 1986

Trú tại: Khối 14, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, Nghệ An.

Hậu quả: Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại vụ án khi có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật.

2.Về án phí: Hoàn trả cho chị Hoàng Thị Hải Yến số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm hiện có tại Chi Cục thi hành án dân sự Thành phố Vinh theo biên lai số 0002726 ngày 21/5/2020.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự

- VKS

- THA DS

- Lưu HS